

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ TRÍ TUỆ VIỆT**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ TRÍ TUỆ VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRI TUE VIET INTERNATIONAL HUMAN SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110100550

**3. Ngày thành lập:** 25/08/2022

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, Tòa nhà văn phòng Mỹ Đình Plaza, Số 138 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0234 090 371

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Mã ngành</b> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                            | 4322            |
| 2.         | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                   | 4330            |
| 3.         | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                | 4610            |
| 4.         | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                             | 4641            |
| 5.         | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ dược phẩm)                                                                                                                                                                                            | 4649            |
| 6.         | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                              | 4651            |
| 7.         | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                               | 4652            |
| 8.         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                           | 4653            |
| 9.         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                  | 4659            |
| 10.        | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                          | 4663            |
| 11.        | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                       | 6810            |
| 12.        | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản | 6820            |

|     |                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                         | 1392        |
| 14. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                 | 1410        |
| 15. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                           | 1430        |
| 16. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                 | 1512        |
| 17. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                             | 1520        |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ dập khuôn tem)                                                                                                                                                                | 1812        |
| 19. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                         | 2023        |
| 20. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ Trung tâm dịch vụ việc làm) | 7810        |
| 21. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm                                                                                                                                             | 7820        |
| 22. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>Hoạt động cho thuê lại lao động<br>Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                            | 7830(Chính) |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                              | 4101        |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                        | 4102        |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                       | 4291        |
| 26. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                | 4292        |
| 27. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                          | 4293        |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                     | 4299        |
| 29. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                | 4311        |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                     | 4312        |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                          | 4321        |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                        | 4759        |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4771        |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                  | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ XUÂN<br>LONG | Lô 36 L4 MB<br>5226 đường<br>Quảng Thắng,<br>Phường Quảng<br>Thắng, Thành phố<br>Thanh Hoá, Tỉnh<br>Thanh Hoá, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       | 0380880144<br>11                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Tổng số                            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ VĂN<br>HUÂN  | Thôn Cự Quán,<br>Xã Đức Thượng,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       | 0010890223<br>18                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            | Tổng số                            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                     |                           |         |               |        |                  |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN ĐỨC ANH | Xóm Bắc Xuân, Xã Diên Xuân, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 | 0400920274<br>41 |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Tổng số                   | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                |                                                                     |                           |         |               |        |                  |
| 4 | TRẦN PHỤC HÙNG | Đội 2, Xã Nghĩa Thành, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 | 162983215        |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                     | Tổng số                   | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                |                                                                     |                           |         |               |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ XUÂN LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038088014411

Ngày cấp: 10/04/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Lô 36 L4 MB 5226 đường Quảng Thắng, Phường Quảng Thắng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Lô 36 L4 MB 5226 đường Quảng Thắng, Phường Quảng Thắng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội